

GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Nguyễn Thị Mỹ Linh^{1*}, Lê Phương Ngọc Hiền¹, Trần Thị Huỳnh Lê¹,
Nguyễn Hoài Thương¹, Nguyễn Thị Thúy An¹

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kiên Giang, Kiên Giang

Ngày nhận bài: 13/11/2021; Ngày chỉnh sửa: 06/01/2022; Ngày duyệt đăng: 14/01/2022

Tóm tắt

Khởi nghiệp đang là chủ đề được quan tâm hiện nay, đặc biệt là khởi nghiệp trong sinh viên. Nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho sinh viên trải nghiệm bản thân bằng cách tham gia các dự án khởi nghiệp tại trường, xa hơn là tham gia các dự án khởi nghiệp cấp Tỉnh, Trung ương. Nghiên cứu được tiến hành nhằm làm cơ sở để đề xuất giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khi còn đang học tập tại trường Đại học Kiên Giang, đặc biệt là sinh viên khối ngành Kinh tế. Qua phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy cho thấy có 3 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế Nhà trường đó là: (1) Đặc điểm tính cách, (2) Nhận thức kiểm soát hành vi, và (3) Ý kiến của người xung quanh, với kết quả tác động đến biến phụ thuộc được ước lượng là 33,7%. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất các giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế như: Giải pháp tạo động lực cho sinh viên tham gia khởi nghiệp thông qua sự tác động của người thân, bạn bè; Giải pháp tăng khả năng kiểm soát hành vi, chú trọng môi trường khởi nghiệp; Giải pháp phát huy năng lực cá nhân sinh viên thông qua các đặc điểm tính cách.

Từ khóa: Ý định khởi nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, giải pháp.

1. Đặt vấn đề

Lĩnh vực kinh tế là một trong những lĩnh vực nền tảng giúp cho các thế hệ sinh viên có đủ khả năng và bản lĩnh để khởi nghiệp khi còn ngồi trên ghế nhà trường cũng như sau khi ra trường. Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thị trường lao động trở nên dư thừa, sinh viên nói chung và sinh viên kinh tế nói riêng sẽ có sự cạnh tranh mạnh mẽ và có phần khốc liệt khi tỷ lệ người lao động mất việc làm ngày càng tăng. Nhiều sinh viên đã và đang khởi nghiệp khi còn ngồi

trên ghế nhà trường như: bán quần áo, mỹ phẩm, nước hoa, phụ kiện, thức ăn vặt... để kiếm thêm thu nhập trang trải chi phí cá nhân hoặc chi phí học tập. Vì vậy, trường Đại học Kiên Giang cũng chú trọng đến việc phát triển kỹ năng cho sinh viên bên cạnh các kiến thức về chuyên môn được đào tạo trên giảng đường. Tuy nhiên, sinh viên vẫn còn e dè và chưa mạnh dạn để thành lập đội nhóm và xây dựng các dự án kinh doanh. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu về ý định khởi nghiệp đã được tiến hành nhưng mới chỉ nghiên cứu về tác động của tính cách cá nhân tới ý định

*Email: ntminh@vnkgu.edu.vn

khởi nghiệp hay một nghiên cứu gần đây của một nhóm tác giả khác cũng tiếp cận theo lý thuyết dự định nhằm mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ [2] hay sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Luật [3]. Tuy nhiên, đối với nghiên cứu này thì hạn chế là chỉ nghiên cứu sinh viên của một ngành, chưa có sự so sánh với sinh viên các ngành khác. Thêm nữa, trong mô hình đề xuất thì còn nhiều yếu tố khác chẳng hạn như các yếu tố thuộc về tính cách cá nhân, môi trường kinh doanh, văn hóa... có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp mà đề tài chưa tập trung làm rõ. Một nghiên cứu khác cũng dựa trên lý thuyết hành vi kế hoạch [4] kết hợp với kết quả của các nghiên cứu khác để nghiên cứu về ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh [5]. Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận khi phân tích nhiều mối quan hệ đa chiều ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh thì việc nghiên cứu sử dụng phương pháp thuận tiện để thu thập thông tin, cùng với mẫu nghiên cứu chỉ có 215 sinh viên đại diện cho 4 trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, gồm Đại học Tài chính Marketing, Đại học Nguyễn Tất Thành, Đại học Sài Gòn, Đại học Hoa Sen làm cho kết quả nghiên cứu mang tính đại diện tổng thể cho toàn bộ sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh là không cao. Bên cạnh đó, một khiếm khuyết khá lớn là có rất ít các nghiên cứu tập trung vào việc đưa ra giải pháp để thúc đẩy ý định khởi nghiệp cho sinh viên, chỉ tập trung vào việc xác định và phân tích các yếu tố tác động. Vì vậy, trong nghiên cứu này, tác giả mong muốn sẽ đề xuất được một số giải pháp nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế tại

trường đại học Kiên Giang trong thời gian tới trên cơ sở xác định và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế (quản trị kinh doanh, kế toán, quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị kinh doanh khách sạn) thông qua các mô hình định lượng.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước như các yếu tố đưa vào mô hình, các mô hình lý thuyết, các công cụ phân tích được ứng dụng... từ các tạp chí chuyên ngành có liên quan và có nguồn gốc tin cậy.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua bảng câu hỏi soạn sẵn, đối tượng phỏng vấn là sinh viên khối ngành kinh tế của trường Đại học Kiên Giang. Số liệu sơ cấp được khảo sát từ tháng 01/2021-05/2021.

2.2. Phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu

Phương pháp chọn mẫu của nghiên cứu là phương pháp chọn mẫu phi xác suất, dựa vào danh sách sinh viên của khối ngành Kinh tế, tác giả tiến hành thu thập đến khi đủ số quan sát theo yêu cầu. Phương pháp xác định cỡ mẫu được áp dụng công thức sau:

$$n = \frac{N}{1 + N \cdot (\varepsilon)^2} (*) \quad [6]$$

Trong đó: n là cỡ mẫu, N là số lượng tổng thể, ε là sai số tiêu chuẩn.

Với quy mô sinh viên Khối ngành kinh tế là 625 sinh viên (khóa 3, 4, 5), ước lượng tỷ lệ với độ tin cậy là 95% (mức sai số là 5%), áp dụng công thức (*) ta được:

$$n = \frac{625}{1 + 625 \cdot (0,05)^2} = 243,9$$

Như vậy, nghiên cứu cần thu thập 244 quan sát là đáp ứng yêu cầu, cỡ mẫu được cơ cấu theo ngành như bảng 1 sau:

Bảng 1. Kết quả phân bố cỡ mẫu của sinh viên khối ngành kinh tế

Ngành học	Số quan sát (sinh viên)	Tỷ lệ (%)
Kế toán	100	40,98
Quản trị kinh doanh khách sạn	19	7,79
Quản trị kinh doanh Du lịch Lữ hành	21	8,61
Quản trị kinh doanh	104	42,62
Tổng	244	100

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả, 2021

2.3. Phương pháp phân tích

Các phương pháp phân tích dữ liệu được áp dụng bao gồm: phân tích hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy tuyến tính (OLS). Mô hình hồi quy có dạng như sau:

$$Y = \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \dots + \beta_k X_{ki} + \varepsilon_i$$

Trong đó:

Y: Ý định khởi nghiệp là biến phụ thuộc

X_{ni} : Các yếu tố giải thích được ước lượng trong mô hình hồi quy bao gồm: Đặc điểm tính cách, Thái độ đối với hành vi kinh doanh, Nhận thức kiểm soát hành vi, Ý kiến của người xung quanh, Địa vị xã hội của chủ doanh nghiệp được thể hiện trong hình 1.

ε_i : Sai số trong ước lượng.

Các biến độc lập được xác định dựa trên các nghiên cứu trước như sau:

- Đặc điểm tính cách: Đặc điểm tính cách bao gồm những đặc điểm cá nhân hay xu hướng chấp nhận rủi ro, năng lực kiểm

soát bản thân [17], khả năng độc lập trong các quyết định [1]. Hành vi chấp nhận rủi ro hay cố gắng để thực hiện dự án khởi nghiệp với mong muốn sẽ làm tốt hơn người khác sẽ thúc đẩy sự khởi nghiệp mạnh mẽ [8], nếu một cá nhân có những khát khao, thích trải nghiệm cái mới sẽ thôi thúc cá nhân đó tham gia khởi nghiệp [7]. Tính cách cá nhân có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên [20], vì vậy giả thuyết được đặt như sau:

H₁: Đặc điểm tính cách có tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

- Thái độ đối với hành vi kinh doanh: Thái độ đối với hành vi kinh doanh thể hiện sự đánh giá tích cực hay tiêu cực của một cá nhân về hành vi hay dự định thực hiện [4]. Thái độ chính là yếu tố tâm lý, khi tâm lý ổn định thì càng thúc đẩy sinh viên nảy sinh ý tưởng hướng đến sự khởi nghiệp [10, 14, 17]. Thái độ đối với hành vi kinh doanh có tác động cùng chiều đến ý định khởi nghiệp như sự hứng thú và yêu thích khởi nghiệp [10]. Vì vậy, giả thuyết được đặt như sau:

H₂: Thái độ đối với hành vi kinh doanh có tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

- Nhận thức kiểm soát hành vi: nhận thức kiểm soát hành vi về ý định khởi nghiệp được đo lường bằng 4 biến: tự tin sẽ thành công nếu khởi nghiệp; khởi nghiệp là dễ dàng; khởi nghiệp là phương thức tốt nhất tận dụng lợi thế giáo dục; có đủ kỹ năng và khả năng trở thành doanh nhân thành đạt [14]. Một nghiên cứu khác cho thấy nhận thức kiểm soát hành vi được đo lường bằng 3 biến: việc tự kinh doanh là rất dễ dàng; việc có khả năng kiểm soát được hoạt động kinh doanh của mình khi khởi nghiệp; có một vài trở ngại ngoài tầm kiểm soát, sẽ ngăn cản việc trở thành một doanh nhân [10]. Bên cạnh đó, tác động của các chương trình giáo dục, định hướng khởi nghiệp sẽ có tác động

tích cực đến hành vi và sinh viên sẽ nảy sinh ý định khởi nghiệp [9]. Vì vậy, yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi được đo lường bởi các biến trên cơ sở thang đo của [9, 10] và [14]. Giả thuyết được đặt như sau:

H₃: Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

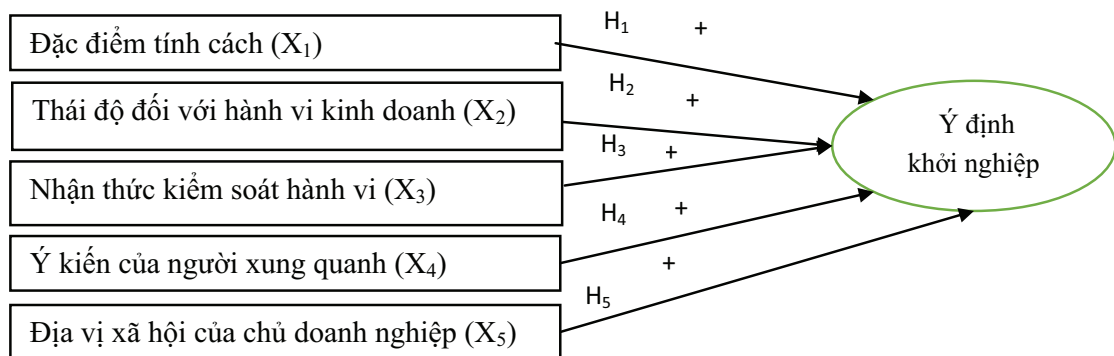
- Ý kiến của người xung quanh: Một cá nhân ngoài việc chịu tác động bởi lịch sử, tính cách còn bị ảnh hưởng bởi bối cảnh xã hội, chính trị và kinh tế, hay môi trường mà cá nhân đó sinh sống [16]. Ý kiến của người xung quanh có tác động trực tiếp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trong nhiều nghiên cứu khác nhau như [4, 9, 10, 14]. Vì vậy, giả thuyết được đặt như sau:

H₄: Ý kiến người xung quanh có tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên

- Địa vị xã hội của chủ doanh nghiệp: Địa vị xã hội của chủ doanh nghiệp là cảm nhận của một cá nhân khi làm chủ sẽ được những người khác trong xã hội đánh giá cao, nghĩa là cách thức mà xã hội nhìn nhận và tôn trọng một doanh nhân đóng vai trò tâm lý quan trọng trong việc thúc đẩy ý định khởi nghiệp của các cá nhân [18]. Địa vị xã hội của chủ doanh nghiệp có ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp của sinh viên [2, 9, 10, 13]. Vì vậy, giả thuyết được đặt như sau:

H₅: Địa vị xã hội của chủ doanh nghiệp tác động thuận chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên

Vậy, mô hình nghiên cứu đề xuất như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Bảng 2. Diễn giải các biến nghiên cứu và kỳ vọng

Ký hiệu	Nội dung	Nguồn	Kỳ vọng
Thang đo đặc điểm tính cách (ĐĐTC)			+
Biến độc lập	ĐĐTC1	Tôi khao khát có một địa vị cao trong xã hội	[1, 7, 8, 17, 20]
	ĐĐTC2	Tôi muốn được mọi người tôn trọng và biết đến	
	ĐĐTC3	Tôi luôn thích trải nghiệm những cái mới	
	ĐĐTC4	Tôi sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh	
	ĐĐTC5	Tôi luôn cố gắng để làm tốt hơn những người khác	

Ký hiệu	Nội dung	Nguồn	Kỳ vọng
Thang đo thái độ đối với hành vi kinh doanh (HVKD)			+
HVKD1	Tôi rất hứng thú với việc khởi nghiệp		
HVKD2	Tôi sẽ rất hài lòng nếu trở thành một chủ doanh nghiệp	[4, 10,	
HVKD3	Trở thành một doanh nhân mang lại cho tôi nhiều lợi ích hơn	14, 17]	
HVKD4	Nếu tôi có cơ hội và nguồn lực, tôi thích khởi nghiệp		
Nhận thức kiểm soát hành vi (KSHV)			+
KSHV1	Việc tự kinh doanh là rất dễ dàng		
KSHV2	Tôi hoàn toàn có thể kiểm soát được hoạt động kinh doanh của mình khi khởi nghiệp	[9, 10, 14]	
KSHV3	Hoàn toàn không có bất kỳ một trở ngại nào có thể ngăn cản việc tôi trở thành một doanh nhân		
KSHV4	Giáo dục kinh doanh		
KSHV5	Trường tôi đang học là nơi lý tưởng để học về khởi nghiệp		
KSHV6	Trường tôi đang học đã thực sự cung cấp cho tôi những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp		
KSHV7	Trường tôi có rất nhiều hoạt động nhằm khuyến khích sinh viên mạnh dạn khởi nghiệp		
KSHV8	Môi trường học tập tại trường đã thực sự truyền cảm hứng cho tôi hình thành dự định khởi nghiệp.		
KSHV9	Các môn học ở trường đã thực sự giúp tôi hiểu được về môi trường kinh doanh thực tế.		
Ý kiến của người xung quanh (YK)			+
YK1	Bạn bè của tôi sẽ ủng hộ quyết định khởi nghiệp của tôi		
YK2	Gia đình tôi sẽ ủng hộ quyết định khởi nghiệp của tôi	[4, 9, 10,	
YK3	Những người quan trọng của tôi sẽ ủng hộ quyết định khởi nghiệp của tôi	14, 16]	
Địa vị xã hội của chủ doanh nghiệp (ĐVXH)			+
ĐVXH1	Nếu tôi trở thành chủ doanh nghiệp, tôi sẽ được gia đình, bạn bè và xã hội đánh giá cao		
ĐVXH2	Nếu họ hàng tôi trở thành chủ doanh nghiệp, họ sẽ được gia đình, bạn bè, xã hội đánh giá cao và thúc đẩy ý định khởi nghiệp của tôi.	[2, 9, 10,	
ĐVXH3	Nếu một người bạn của tôi trở thành chủ doanh nghiệp, họ sẽ được gia đình, bạn bè, xã hội đánh giá cao và thúc đẩy ý định khởi nghiệp của tôi.	13, 18]	
Ý định khởi nghiệp (YĐKN)			
YĐKN1	Mục tiêu nghề nghiệp của tôi là trở thành doanh nhân		
YĐKN2	Tôi sẵn sàng làm mọi thứ để trở thành doanh nhân		
YĐKN3	Tôi đã hình thành và sàng lọc ý tưởng kinh doanh một cách cẩn thận	[12, 16]	
YĐKN4	Tôi nỗ lực để bắt đầu khởi nghiệp ngay khi còn đang học tại trường		
YĐKN5	Nếu chưa thể khởi nghiệp khi còn đang học, tôi sẽ tiếp tục nỗ lực để bắt đầu khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường.		

Nguồn: Đề xuất của tác giả

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả Cronbach's Alpha

Bảng 3. Kết quả Cronbach's Alpha của các biến độc lập và biến phụ thuộc

Biến quan sát	Biến (hệ số Cronbach's Alpha)	Hệ số Cronbach's Alpha tổng
Đặc điểm tính cách (ĐĐTC)	ĐĐTC1 (0,873), ĐĐTC2 (0,870), ĐĐTC3 (0,861), ĐĐTC4 (0,869), ĐĐTC5 (0,876)	0,893
Hành vi kinh doanh (HVKD)	HVKD1 (0,881), HVKD2 (0,867), HVKD3 (0,899), HVKD4 (0,912)	0,916
Kiểm soát hành vi (KSHV)	KSHV4 (0,902), KSHV5 (0,891), KSHV6 (0,885), KSHV7 (0,899), KSHV8 (0,915)	0,917
Ý kiến người xung quanh (YK)	YK1 (0,719), YK2 (0,561), YK3 (0,744)	0,761
Địa vị xã hội (ĐVXH)	ĐVXH1 (0,876), ĐVXH2 (0,862), ĐVXH3 (0,909)	0,919
Ý định khởi nghiệp (YĐKN)	YĐKN1 (0,836), YĐKN2 (0,834), YĐKN3 (0,849), YĐKN4 (0,846), YĐKN5 (0,857)	0,872

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả, 2021

Qua kết quả phân tích Cronbach's Alpha ở bảng 3 cho thấy các biến độc lập được đưa vào mô hình có hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,7; tuy nhiên có 3 biến bị loại khỏi mô hình phân tích nhân tố khám phá đó là KSHV1, KSHV2, KSHV3 vì hệ Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến của các biến này cao hơn biến tổng. Bên cạnh đó biến phụ thuộc có hệ số Cronbach's Alpha = 0,872 được xem là khá cao và phù hợp để đưa vào phân tích nhân tố.

3.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Trước khi tiến hành phân tích nhân tố, tác giả kiểm định KMO và Bartlett của các biến độc lập và biến phụ thuộc. Đối với biến độc lập, hệ số KMO = 86,2 ta kết luận phân tích nhân tố là phù hợp. Hệ số Bartlett = 0,000 (sig. < 0,05) chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Đối với biến phụ thuộc, hệ số KMO = 0,848 nên ta cũng kết luận phân tích nhân tố là phù hợp. Sau đây, tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá đối với biến độc lập và biến phụ thuộc.

Bảng 4. Bảng ma trận xoay nhân tố của các biến độc lập và biến phụ thuộc

Biến độc lập	Các yếu tố trong ma trận xoay
Đặc điểm tính cách (ĐĐTC)	ĐĐTC1 (0,795), ĐĐTC2 (0,825), ĐĐTC3 (0,844), ĐĐTC4 (0,837), ĐĐTC5 (0,804)
Thái độ đối với hành vi kinh doanh (HVKD)	HVKD1 (0,871), HVKD2 (0,867), HVKD3 (0,792), HVKD4 (0,769)
Kiểm soát hành vi (KSHV)	KSHV4 (0,834), KSHV5 (0,872), KSHV6 (0,888), KSHV7 (0,827), KSHV8 (0,776)
Ý kiến của người xung quanh (YK)	YK1 (0,762), YK2 (0,844), YK3 (0,752)
Địa vị xã hội (ĐVXH)	ĐVXH1 (0,811), ĐVXH2 (0,861), ĐVXH3 (0,838)
Biến phụ thuộc	
Ý định khởi nghiệp	YĐKN1 (0,839), YĐKN2 (0,846), YĐKN3 (0,798), YĐKN4 (0,809), YĐKN5 (0,771).

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả, 2021

Sau quá trình thực hiện phân tích nhân tố khám phá, kết quả được trình bày ở bảng 4 cho thấy có 20 biến được chia thành 5 nhóm yếu tố. Tuy nhiên, kết quả vẫn không ảnh hưởng đến yếu tố chính, vì vậy tên các nhóm yếu tố không thay đổi và để thuận lợi trong quá trình xử lý và tính toán, tên biến được quy định cụ thể như sau: Biến “Đặc điểm tính cách” ký hiệu là X1 bao gồm các biến ĐĐTC1, ĐĐTC2, ĐĐTC3, ĐĐTC4, ĐĐTC5; Biến “Hành vi kinh doanh” ký hiệu là X2 bao gồm các biến HVKD1, HVKD2, HVKD3, HVKD4; Biến “Môi trường khởi nghiệp” ký hiệu là X3 bao gồm các biến KSHV4,

KSHV5, KSHV6, KSHV7, KSHV8; Biến “Ý kiến của người xung quanh” ký hiệu là X4 bao gồm các biến YK1, YK2, YK3; Biến “Địa vị xã hội” ký hiệu là X5 bao gồm các biến ĐVXH1, ĐVXH2, ĐVXH3.

Khi phân tích nhân tố đối với biến phụ thuộc, ta thấy không có hiện tách nhóm, hệ số KMO = 0,829; Giá trị Cumulative = 66,127% được xem là phù hợp khi đưa vào phân tích hồi quy ở bước tiếp theo. Nhân tố “Ý định khởi nghiệp của sinh viên” ký hiệu là Y, trong đó có các biến YĐKN1, YĐKN2, YĐKN3, YĐKN4, YĐKN5.

3.3. Kết quả kiểm định tương quan

Bảng 5. Kiểm định tương quan giữa các biến độc lập với biến ý định khởi nghiệp của sinh viên

	Biến	Y	X ₁	X ₂	X ₃	X ₄	X ₅
Y	Pearson Correlation	1	0,313**	0,082	0,346**	0,358**	0,059
	Sig0, (2-tailed)		0,000	0,202	0,000	0,000	0,362
	N	244	244	244	244	244	244
X ₁	Pearson Correlation	0,313**	1	0,000	0,000	0,000	0,000
	Sig0, (2-tailed)	0,000		1,000	1,000	1,000	1,000
	N	244	244	244	244	244	244
X ₂	Pearson Correlation	0,082	0,000	1	0,000	0,000	0,000
	Sig0, (2-tailed)	0,202	1,000		1,000	1,000	1,000
	N	244	244	244	244	244	244
X ₃	Pearson Correlation	0,346**	0,000	0,000	1	0,000	0,000
	Sig0, (2-tailed)	0,000	1,000	1,000		1,000	1,000
	N	244	244	244	244	244	244
X ₄	Pearson Correlation	0,358**	0,000	0,000	0,000	1	0,000
	Sig0, (2-tailed)	0,000	1,000	1,000	1,000		1,000
	N	244	244	244	244	244	244
X ₅	Pearson Correlation	0,059	0,000	0,000	0,000	0,000	1
	Sig0, (2-tailed)	0,362	1,000	1,000	1,000	1,000	
	N	244	244	244	244	244	244

** Tương quan có ý nghĩa ở mức 1%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả, 2021

Kết quả phân tích hệ số tương quan Pearson ở bảng 5, ta thấy, các biến đều có giá trị Sig. nhỏ hơn 0,05 ngoại trừ biến X_2 và biến X_5 . Vì vậy, biến X_2 và biến X_5 bị loại khỏi mô hình hồi quy.

3.4. Kết quả phân tích hồi quy

Bảng 6. Bảng kết quả phân tích hồi quy

Biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số Beta chuẩn hóa	Giá trị t	Giá trị sig	Kiểm định VIF
	Hệ số β	Std. Error				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Hằng số (Constant)	2,064	0,52		0,000	1,000	
Đặc điểm tính cách (X_1)	0,313	0,52	0,313	5,989	0,000	1,000
Môi trường khởi nghiệp (X_3)	0,346	0,52	0,346	6,618	0,000	1,000
Ý kiến của người xung quanh (X_4)	0,358	0,52	0,358	6,849	0,000	1,000
Số quan sát			244			
R^2 (R-squared)			0,345			
R^2 hiệu chỉnh (Adjusted R-squared)			0,337			

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả, 2021

Từ kết quả phân tích hồi quy ở bảng 6, ta có mô hình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$Y_1 = 0,313X_1 + 0,346X_3 + 0,358X_4$$

Các biến độc lập có giá trị Sig. nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% cho thấy các biến độc lập đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc. Hệ số kiểm định VIF đều nhỏ hơn 2, do vậy không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.

Giá trị R^2 hiệu chỉnh = 0,337, nghĩa là trong 100% sự biến động của biến phụ thuộc thì có 33,7% sự biến động là do các biến độc lập ảnh hưởng, còn lại là do sai số ngẫu nhiên hoặc các yếu tố khác chưa đưa vào mô hình có tác động.

3.5. Phân tích kết quả nghiên cứu

Kết quả hồi quy ở bảng 6 cho thấy, 3 yếu tố đưa vào mô hình đều có tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế. Từng yếu tố được xem xét trong điều kiện những yếu tố khác không đổi, mức độ

tác động của các yếu tố được đánh giá từ cao xuống thấp như sau:

(1) Yếu tố “Ý kiến của người xung quanh” là yếu tố có mức độ tác động mạnh mẽ nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên cao nhất ($\beta = 0,358$). Có thể thấy sinh viên sẽ có nhiều động lực khởi nghiệp hơn khi được bạn bè, gia đình và những người quan tâm ủng hộ quyết định khởi nghiệp. Điều này phù hợp với nghiên cứu của các tác giả trước [4, 9, 10, 14, 16].

(2) Yếu tố thứ hai tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên là yếu tố “Môi trường khởi nghiệp” ($\beta = 0,346$). Một môi trường đào tạo tích cực, một môi trường khởi nghiệp phù hợp và hấp dẫn sẽ giúp sinh viên dễ dàng thúc đẩy được ý định khởi nghiệp của bản thân. Bên cạnh đó, khi nhà trường có sự quan tâm và tạo môi trường cho các em khởi nghiệp cũng sẽ là động lực thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của các em. Điều này

phù hợp với nghiên cứu của các tác giả trước như [9, 10, 14].

(3) Yếu tố “Đặc điểm tính cách” có hệ số $\beta = 0,313$ là yếu tố cuối cùng tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Khi sinh viên khao khát có một địa vị cao trong xã hội, muốn được mọi người tôn trọng và biết đến hay thích trải nghiệm những cái mới, sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh thì ý định khởi nghiệp của sinh viên sẽ càng tăng. Điều này phù hợp với nghiên cứu của các tác giả trước như [1, 7, 8, 17, 20].

Các yếu tố khác không có tác động đến mô hình là hành vi kinh doanh và địa vị xã hội, nguyên nhân là do bản thân các em sinh viên nghĩ rằng việc khởi nghiệp là do xuất phát từ đam mê, từ việc muốn khám phá bản thân chứ không phải vì địa vị xã hội hay trở thành một doanh nhân sẽ được nhiều người ngưỡng mộ. Kết quả nghiên cứu này khác với kết quả nghiên cứu trước của các tác giả [2, 4, 9, 10, 13, 14, 17, 18].

4. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên Khối ngành Kinh tế, Trường Đại học Kiên Giang

(1) Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua sự tác động tích cực của người thân, bạn bè và những người quan trọng.

Gia đình và bạn bè nên có nhiều lời khuyên tích cực và đóng góp ý kiến cho các ý định khởi nghiệp của các em, ủng hộ về tài chính hoặc tinh thần giúp cho các em sinh viên có thêm động lực khởi nghiệp.

Những thầy/cô, những người dẫn dắt các em trong học tập, trong các dự án khởi nghiệp tích cực hỗ trợ các em trong việc tìm ra ý tưởng và nhận diện được các giải pháp vừa khoa học vừa thực tiễn để giúp cho dự

án khởi nghiệp của các em đạt chất lượng tốt, thúc đẩy các em khởi nghiệp.

(2) Giải pháp chú trọng môi trường giáo dục và khởi nghiệp để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Tổ chức nhiều hội thảo cho sinh viên nâng cao kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và đặc biệt là kỹ năng phản biện trước công chúng để các em tự tin hơn trong việc trình bày và bảo vệ dự án khởi nghiệp của mình. Từ đó, các em sẽ khám phá và vượt qua được giới hạn của bản thân để tham gia khởi nghiệp.

Khoa và nhà trường thường xuyên mở các khóa tập huấn về đổi mới, sáng tạo cho sinh viên tham dự và trải nghiệm cùng các chuyên gia định kỳ hàng năm và xem đó là hoạt động thường niên của Khoa và nhà trường; kết hợp trao chứng nhận hoặc chứng chỉ cho sinh viên làm hành trang sau khi ra trường.

Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp với mức giải thưởng hấp dẫn, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tham dự để thử thách bản thân, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn; bên cạnh đó, cần có chính sách cho người hướng dẫn khởi nghiệp (cố vấn học tập, giảng viên chuyên môn) để khuyến khích thầy cô cùng tham gia và dẫn dắt các em trong các dự án khởi nghiệp.

(3) Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên qua việc phát huy năng lực cá nhân sinh viên dựa trên các đặc điểm tính cách.

Khơi dậy niềm đam mê và khát khao khám phá cái mới của giới trẻ, giúp sinh viên nhận thấy được lợi ích từ các cuộc thi khởi nghiệp qua việc tuyên truyền, vận động thông qua các kênh Đoàn thanh niên, hội sinh viên.

Xem xét cộng điểm vào luận án tốt nghiệp và vinh danh, khen thưởng các em sinh viên có thành tích tốt trong lĩnh vực khởi nghiệp

nếu sinh viên tham dự và đạt giải cao ở các cấp nhằm thể hiện sự trân trọng và ghi nhận công sức của các em trong công cuộc khởi nghiệp, sáng tạo ở môi trường đại học. Qua đó, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên, chấp nhận đương đầu với những điều mới để gặt hái thành công.

5. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu đã xác định được 3 yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế, Trường Đại học Kiên Giang, đó là: Ý kiến của người xung quanh, môi trường khởi nghiệp và đặc điểm tính cách. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên như sau: Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua sự tác động tích cực của người thân, bạn bè và những người quan trọng; Giải pháp chú trọng môi trường giáo dục và khởi nghiệp để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên; Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên qua việc phát huy năng lực cá nhân sinh viên dựa trên các đặc điểm tính cách.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Huỳnh Tuấn Duy & cộng sự (2011). Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tính cách cá nhân lên tiềm năng khởi nghiệp của sinh viên. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, tập 14, (Q₃).
- [2] Phan Anh Tú & Trần Quốc Huy (2017). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên trường đại học kỹ thuật công nghệ cần thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 48, 96-103.
- [3] Nguyễn Hải Quang & Cao Nguyễn Trung Cường (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên Khoa Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Luật. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Trà Vinh, 25, 10-19.
- [4] Ajzen I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50 (2), 179-211.
- [5] Vũ Thanh Tùng & Đinh Cao Tín (2018). Các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học: nghiên cứu một số trường hợp điển hình trên địa bàn TPHCM. Hội thảo Khoa học quốc tế. Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật, Số đặc biệt, 82-94.
- [6] Slovin E. (1960). Slovin's formula for sampling technique. Retrieved on February 13, 2013.
- [7] Hisrich R. D. & Peters M. P. (2002). *Entrepreneurship - 5th edition*. New York: McGraw-Hill.
- [8] Lee S.M. et al. (2006). Influences on students attitudes toward entrepreneurship: A multi-country study. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 2(3), 351-366.
- [9] Karali S. (2013). The Impact of entrepreneurship education programs on entrepreneurial intentions: An application of the theory of planned behavior. Master Thesis, Erasmus University of Rotterdam.
- [10] Linan F. & Chen Y. W. (2006). Testing the entrepreneurial intention model on a two-country sample. A Working Paper in the Documents de treball.
- [11] Ooi Y. K., Selvarajah C. & Meyer D. (2011). Inclination towards entrepreneurship among students: An empirical study of Malaysian university students. *International Journal of Business and Social Social Science*, 2 (4), 206-220.
- [12] La Nguyễn Thị Phương Ngọc (2019). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên các trường đại học khu vực tỉnh Quảng Ngãi. Luận án Tiến sĩ, Học viện khoa học Xã hội, 209 trang.
- [13] Nguyễn Thu Thủy (2013). Khởi nghiệp ở sinh viên đại học: Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam. *Kinh tế và Dự báo*, 24 (0866-7120), 97-99.
- [14] Autio E., Keeley R. H., Klofsten M., Parker G. C. & Hay M. (2001). Entrepreneurial Intent among Students in Scandinavia and in the USA. *Enterprise and Innovation Management Studies*, 2(2), 145-160.

- [15] Nasurdin A. M., Ahmad N. H. & Lin C. E (2009). Examining a model of entrepreneurial intention among Malaysians using SEM procedure. *European Journal of Scientific Research*, 33(2), 365–373.
- [16] Bird B. (1988). Implementing entrepreneurial ideas: the case for intention. *Academy of Management Review*, 13(3), 442-53.
- [17] Luthje C. & Franke N. (2003). The making of an entrepreneur: Testing a model of entrepreneurial intent among engineering students at MIT. *R&D Management*, 33 (2), 135-147.
- [18] Florin J., Karri R. & Rossiter N. (2007). Forstering entrepreneurial drive-in business education: An attitudinal approach. *Journal of management education*, 31(1), 17-42.
- [19] Begley T. M, Tan W. L. (2001). The socio-cultural environment for entrepreneurship: A comparison between East asian and Anglo-saxon countries. *Journal of International Business Studies*, 32 (3), 537-547.
- [20] Obembe E., Otesile O. & Ukpong I. (2014). Understanding the students' perspectives towards entrepreneurship. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 145, 5-11.

SOLUTIONS TO PROMOTE THE ENTREPRENEURIAL INTENTIONS OF ECONOMICS MAJOR STUDENTS AT KIEN GIANG UNIVERSITY

Nguyen Thi My Linh¹, Le Phuong Ngoc Hien¹,
Tran Thi Huynh Le¹, Nguyen Hoai Thuong¹, Nguyen Thi Thuy An¹

¹*Faculty of Economics, Kiên Giang University, Kiên Giang*

Abstract

Today, entrepreneurship is a topic of interest, especially to students. To create a favorable environment for students to experience and challenge themselves by participating in start-up projects at all levels from school to the central level. The research was conducted to serve as a basis for proposing solutions to improve the entrepreneurial intention of students at Kien Giang University, especially economics major students. Through exploratory factor analysis and regression analysis, it was found that there were 3 factors affecting the entrepreneurial intention of students, which are: (1) Personality characteristics, (2) Perceived behavioral control, and (3) Opinions of people around, with the results affecting the dependent variable estimated at 33.7%. Based on the study results, we propose solutions to promote the entrepreneurial intention of economics major students, including: Solutions to motivate students to start a business through the influence of relatives and friends; Solutions to increase the ability to control behavior, focusing on the start-up environment; Solutions to promote students' individual capacity through personality traits.

Keywords: Start-up, entrepreneurship, solutions.